

# TƯ TƯỞNG DUY VẬT BIỆN CHỨNG TRONG TƯ DUY QUÂN SỰ CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH  
Khoa học Máy tính, Trường Đại học Bách khoa,  
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh  
PHAN THỊ NGỌC ANH  
Khoa Lịch sử và Quan hệ Quốc tế,  
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 14/11/2025. Sửa chữa xong 19/01/2026. Duyệt đăng 21/01/2026.

## Abstract

*This article analyzes the military thought of General Võ Nguyên Giáp through his creative application of dialectical materialism. By integrating national traditions with Marxist–Leninist theory, he led the Vietnamese armed forces to decisive victories in the resistance war against French colonialism (1945–1954) and the war against American intervention (1954–1975). Through the strategy of “people’s war” and the principle of “people first, weapons second,” he developed a powerful military force grounded in the strength of the masses under the leadership of the Party. His enduring legacy continues to offer valuable theoretical and practical lessons for contemporary national defense and the safeguarding of national sovereignty.*

**Keywords:** *Dialectical materialism, Điện Biên Phủ, people’s war, People’s Army, Võ Nguyên Giáp.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hiện nay, việc kế thừa và phát huy các giá trị tư tưởng quân sự cách mạng không chỉ là nhiệm vụ bảo tồn di sản lịch sử mà còn là chiến lược quan trọng để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, ứng phó với những thách thức an ninh truyền thống lẫn phi truyền thống trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cố gắng học thêm quân sự” [14, tr. 21] đã trở thành kim chỉ nam, góp phần giúp Đại tướng Võ Nguyên Giáp vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghệ thuật quân sự Việt Nam, mang lại những chiến thắng vĩ đại cho dân tộc. Tư tưởng quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là sự kết tinh giữa tinh hoa truyền thống Việt Nam và lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Dưới thế giới quan duy vật biện chứng [9, tr. 105-106], ông nhận thức sâu sắc bản chất vật chất của thế giới và quy luật phát triển thông qua mâu thuẫn, vận dụng linh hoạt các nguyên lý biện chứng như quy luật mâu thuẫn và phủ định của phủ định để giải quyết những vấn đề phức tạp trong chiến tranh cách mạng, đồng thời nhấn mạnh việc phân tích thực tiễn để tìm ra giải pháp phù hợp. Chính sự sáng tạo này đã giúp ông kiến tạo nên những chiến thắng lịch sử, để lại dấu ấn không phai trong lòng dân tộc. Đại tướng đã tiếp cận chủ nghĩa duy vật biện chứng từ sớm, áp dụng nó như một công cụ phân tích chiến lược, kết hợp với tư duy truyền thống Việt Nam. Ví dụ, ông sử dụng quy luật phủ định của phủ định để biến thất bại ban đầu thành nền tảng thắng lợi như nhận định chỗ mạnh yếu giữa địch và ta: “Trước kẻ địch tạm thời có ưu thế về lực lượng quân sự, nhân dân ta không có điều kiện để đánh nhanh, thắng nhanh mà cần phải có thời gian khắc phục những chỗ mạnh của địch, phát huy những chỗ mạnh của ta, đồng thời để dần dần khắc phục chỗ yếu của ta, khoét sâu chỗ yếu của địch” [11, tr. 51]. Những giá trị này mang ý nghĩa trường tồn, đặc biệt trong bối cảnh đất nước

Email: [ngtruongthanh98@gmail.com](mailto:ngtruongthanh98@gmail.com)

đối mặt với thách thức mới như bảo vệ chủ quyền biển đảo và ứng phó chiến tranh phi truyền thống, nơi cân linh hoạt giữa ý chí chủ quan và điều kiện khách quan.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về di sản của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, tiêu biểu như các công trình phân tích tư tưởng nhân văn quân sự hay nền tảng sử học trong chỉ đạo chiến lược, giới học thuật vẫn còn những khoảng trống quan trọng cần được tiếp tục đào sâu [15], [8]. Thứ nhất, chưa có một nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống về phương diện triết học duy vật biện chứng trong tư duy và hành động của Đại tướng. Cần làm rõ cách ông vận dụng nhuần nhuyễn các quy luật biện chứng như một công cụ phương pháp luận để giải quyết những vấn đề thực tiễn phức tạp của chiến tranh cách mạng. Thứ hai, các giá trị cốt lõi trong tư tưởng của ông (như tính nhân văn, kỷ luật, tinh thần dân tộc) chưa được khảo cứu đầy đủ dưới góc độ xây dựng mô hình và thể chế. Việc chuyển hóa những tư tưởng ấy thành nguyên tắc quản trị quân sự hiện đại và các bài học cho quản lý nhà nước về quốc phòng luôn là một chủ đề lớn nhằm phát huy giá trị thời đại của di sản này.

Tư tưởng quân sự của Võ Nguyên Giáp không đơn thuần là kinh nghiệm thực tiễn mà là sự kết tinh giữa lý luận khoa học cách mạng với thực tiễn sinh động của Việt Nam, khẳng định tầm vóc một nhà quân sự lỗi lạc có tầm nhìn chiến lược. Nhiệm vụ của nghiên cứu bao gồm: phân tích tư duy chiến lược, giải quyết mâu thuẫn giữa thực lực và mục tiêu qua các chiến dịch như Điện Biên Phủ; làm rõ học thuyết “Chiến tranh nhân dân” với sự thống nhất giữa chủ quan và khách quan thông qua “ba thứ quân”; khai thác quá trình xây dựng Quân đội Nhân dân, nhấn mạnh sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn dưới sự lãnh đạo của Đảng; đánh giá di sản tư tưởng trong bối cảnh hiện đại, phục vụ cho quốc phòng toàn dân. Đối tượng nghiên cứu là tư tưởng duy vật biện chứng của Đại tướng trong lĩnh vực quân sự, bao gồm tư duy chiến lược, “Chiến tranh nhân dân” và xây dựng Quân đội Nhân dân. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào các chiến dịch từ Cách mạng Tháng Tám đến Đại thắng mùa Xuân 1975, dựa trên hồi ký của Đại tướng và tài liệu lịch sử Việt Nam thế kỷ XX. Cơ sở lý luận dựa trên chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và truyền thống quân sự Việt Nam, đặc biệt là phép duy vật biện chứng với các nguyên lý mâu thuẫn, phủ định của phủ định và chuyển hóa lượng-chất, được chọn để làm rõ sự vận dụng sáng tạo trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phân tích lịch sử (áp dụng ở phần chiến dịch Điện Biên Phủ, đưa ra kết quả về chuyển hóa bất lợi thành lợi thế), logic biện chứng (sử dụng ở phần “Chiến tranh nhân dân”, kết quả khẳng định thống nhất chủ quan-khách quan), kết hợp nghiên cứu tài liệu (các tập hồi ký) và so sánh thực tiễn (giữa các chiến dịch, nhằm làm nổi bật tính biện chứng). Ý nghĩa khoa học của đề tài là làm phong phú lý thuyết quân sự cách mạng, khẳng định vai trò duy vật biện chứng, góp phần vào kho tàng văn hóa dân tộc và lý luận Mác-Lênin. Ý nghĩa thực tiễn là cung cấp bài học cho quốc phòng hiện đại, bảo vệ chủ quyền biển đảo, ứng phó chiến tranh phi truyền thống, thúc đẩy đoàn kết quân dân trong bối cảnh toàn cầu hóa.

## 3. Nội dung nghiên cứu

Đại tướng Võ Nguyên Giáp (1911-2013) sinh ra tại Quảng Bình, trong một gia đình nhà Nho có truyền thống yêu nước [4, tr. 15]. Trước khi trực tiếp tham gia hoạt động cách mạng, ông từng là giáo viên lịch sử và sinh viên ngành Luật. Sự kiện gỡ gỡ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc năm 1940 tại Trung Quốc đã trở thành bước ngoặt quan trọng, định hình sự nghiệp chính trị và quân sự của ông. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng đã trực tiếp chỉ huy Quân đội Nhân dân Việt Nam phát triển từ những đơn vị tiên thân ban đầu với quy mô khiêm tốn thành lực lượng nòng cốt, góp phần quan trọng dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và đế quốc Mỹ (1954-1975). Điểm cốt lõi trong tư tưởng quân sự của Võ Nguyên Giáp là việc vận dụng thể giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng vào nghệ thuật quân sự. Ông đã đóng góp quan trọng vào việc hình thành và phát triển học thuyết chiến tranh nhân dân, phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

### 3.1. Tư duy chiến lược của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã thể hiện tầm nhìn chiến lược khi đối mặt với sự so sánh tương quan lực lượng chênh lệch to lớn giữa quân đội Việt Nam và sức mạnh quân sự của thực dân Pháp. Bằng cách vận dụng phép biện chứng duy vật, ông phân tích quy luật phát triển thông qua mâu thuẫn, nhận diện mâu thuẫn chính giữa điều kiện vật chất của địch và ý chí cách mạng của ta. Đồng thời, ông áp dụng nguyên tắc “lấy yếu đánh mạnh” để điều chỉnh phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Tại thời điểm cụ thể này, quân số Việt Minh đông hơn, hỏa lực pháo binh mạnh hơn trong đợt mở màn và khả năng hậu cần vượt trội nhờ mạng lưới địa phương, đặc biệt sau khi cắt đứt sân bay Mường Thanh của địch, sự chuyển hướng chiến lược đã tạo nên bước ngoặt quan trọng. Sự thay đổi về phương châm tác chiến đã biến cục diện ban đầu từ bất lợi thành lợi thế thông qua phòng ngự chủ động và tích lũy lực lượng dần dần, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử. Đại tướng nhận thức rằng, trong bối cảnh thực tiễn đòi hỏi linh hoạt, việc bám sát tình hình cụ thể là cần thiết để điều chỉnh chủ quan phù hợp với khách quan, theo tinh thần biện chứng Mác-xít. Ban đầu, phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” nhằm tận dụng yếu tố bất ngờ nhưng qua phân tích thực tế, ông nhận ra không khả thi trước sự chuẩn bị kỹ lưỡng của kẻ thù. Thay vào đó, chuyển sang “đánh chắc, tiến chắc” tập trung suy yếu đối phương một cách bền bỉ, phản ánh tư duy biện chứng sâu sắc.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã vận dụng nguyên tắc “lấy yếu đánh mạnh” dựa trên phân tích khách quan về tương quan lực lượng giữa hai bên, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Ông nhận thức rõ rằng, dù quân đội Việt Nam còn thua kém về vũ khí, song sức mạnh tinh thần, ý chí cách mạng và sự đoàn kết của toàn dân chính là yếu tố quyết định. Điều này minh chứng cho việc áp dụng phép biện chứng duy vật để khai thác mâu thuẫn nội tại của địch và tối ưu hóa thế mạnh của ta. Để tạo nên một lực lượng đủ mạnh để đối phó với thực dân Pháp, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã huy động lực lượng từ quân đội, dân quân đến địa phương rộng lớn. Nguyên tắc này không chỉ mang tính chiến thuật mà còn thể hiện tư duy phân tích sâu sắc bằng việc nhận diện mâu thuẫn giữa hai bên, khai thác điểm yếu của địch và phát huy tối đa thế mạnh của ta. Việc phát huy sức mạnh toàn dân đã trở thành nền tảng cho những chiến thắng, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng của nước nhà.

Trung ương Đảng đã xác định mục tiêu của chiến dịch là “tiêu diệt sinh lực địch, phá kế hoạch chấn chỉnh phòng ngự của chúng và đẩy mạnh chiến tranh du kích” [12, tr. 716]. Phương châm ban đầu được đặt ra là “lấy du kích làm chính, vận động chiến là phụ, nhưng phải đẩy mạnh vận động chiến tiến lên để vận động chiến trở thành chủ yếu” [12, tr. 691]. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai đã xuất hiện những thách thức đòi hỏi phải điều chỉnh kịp thời. Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn nằm ở phía tây vùng rừng núi Tây Bắc Việt Nam, gần biên giới Việt-Lào, cách Hà Nội khoảng 300 km đường chim bay và giữ vai trò chiến lược quan trọng đối với Tây Bắc cũng như toàn bộ Đông Dương. Đối với thực dân Pháp, nơi đây được coi là “ngã tư chiến lược” kết nối Lào, Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc, đồng thời là “chìa khóa bảo vệ Thượng Lào” cùng “bàn xoay” ảnh hưởng đến bốn nước xung quanh. Chúng đã biến Điện Biên Phủ thành căn cứ quân sự mạnh mẽ với sự phối hợp giữa không quân và lục quân, nhằm bảo vệ Lào, tái chiếm Tây Bắc trong giai đoạn 1953-1954 và tiêu diệt các sư đoàn chủ lực của Việt Minh [4, tr. 275]. Ngày 01-01-1954, Bộ Chính trị bổ nhiệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy Mặt trận Điện Biên Phủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao toàn quyền quyết định cho Đại tướng, đồng thời căn dặn: “Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng, không đánh” [12, tr. 900], thể hiện sự tin tưởng sâu sắc và nguyên tắc bất di bất dịch trong chỉ đạo chiến lược.

Ban đầu, nhiều ý kiến từ các lãnh đạo cho rằng nên tấn công sớm để tận dụng lúc thực dân Pháp chưa củng cố vững chắc, với hy vọng giành thắng lợi nhanh chóng. Tuy nhiên, Đại tướng Võ Nguyên Giáp không vội đồng thuận, mà trăn trở về việc phương châm “đánh nhanh” có đảm bảo thắng lợi hay không khi lực lượng ta còn thiếu kinh nghiệm và vật chất. Ông đặt ra những câu hỏi: Làm sao để đánh

thắng mà không bại? Phương châm nào là tối ưu? Ngày 14-01-1954, tại Hội nghị cán bộ, ông trình bày kế hoạch tiêu diệt toàn bộ địch, nhấn mạnh: “Hiện nay, địch tình chưa có triệu chứng thay đổi lớn, nhưng không phải hoàn toàn không có khả năng thay đổi lớn. Chúng ta cần ra sức nắm vững tình hình địch, để một khi địch tình biến hóa thì kịp thời nắm vững và kịp thời xử trí” [9, tr. 927], thể hiện sự cẩn trọng. Trong quá trình chuẩn bị, phía Pháp đã tăng cường lực lượng, xây dựng phòng ngự kiên cố và điều động các tiểu đoàn tinh nhuệ. Phía ta, pháo binh chưa chiếm lĩnh trận địa dù thời gian nổ súng đã lùi đến 17 giờ ngày 25-01-1954. Việc tiêu diệt hàng chục tiểu đoàn địch tại một cứ điểm vững chắc trong thời gian ngắn là bất khả thi, không đáp ứng nguyên tắc “đánh chắc thắng chắc”. Bộ đội ta thiếu kinh nghiệm hiệp đồng pháo binh và chưa quen với giao chiến ban ngày. Đỉnh điểm là ngày 24-01-1954, khi tình báo địch nắm được thời gian nổ súng của ta, khiến cơ hội “đánh nhanh” tan biến.

Trước khó khăn, Đại tướng suy tư nhiều đêm. Đến 25-01-1954 hoãn nổ súng sang 26-01 để Đảng ủy họp. Trong họp căng thẳng 26-01-1954, ông quyết định bước ngoặt: “Để đảm bảo nguyên tắc cao nhất là “đánh chắc thắng” cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc”. Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết và kéo pháo ra. Công tác chính trị đảm bảo triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới” [10, tr. 107-108]. Quyết định này là lựa chọn khó khăn sáng suốt nhất sự nghiệp ông, minh chứng tư duy bám thực tiễn, dám thay đổi khi khách quan biến đổi, thể hiện “thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý” trong phép biện chứng duy vật. Ban đầu “Đánh nhanh” trong 2 ngày 3 đêm khi địch nhảy dù, phòng ngự dã chiến. Sau 11 ngày, địch tăng quân, xây hầm kiên cố, thành cứ điểm mạnh. Ông thấy không “chắc thắng 100%” theo Hồ Chủ tịch [9, tr. 125-126]. Quyết hoãn, kéo pháo chuẩn bị, chuyển “Đánh chắc, tiến chắc” [9, tr. 137-138], dững cảm bỏ chủ quan tuân khách quan, bóc gỡ từng phần thay mạo hiểm. Tướng Lê Trọng Tấn nhận định kỷ niệm 10 năm Điện Biên Phủ: “Nếu không quyết định ấy, chúng tôi không có mặt chống Mỹ” [4, tr. 279]. Điều chỉnh kịp thời tránh thất bại, tạo tiền đề thắng vang dội Điện Biên Phủ, khẳng định tài năng bản lĩnh Đại tướng hóa giải mâu thuẫn thực lực hạn chế và mục tiêu tham vọng.

Trong Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã thể hiện nghệ thuật điều động địch xuất sắc, khai thác mâu thuẫn tập trung - phân tán binh lực. Tướng Navarre tập trung khối cơ động khổng lồ tại đồng bằng Bắc Bộ nhằm tạo thế áp đảo [9, tr. 268]. Thay vì đánh trực diện vào chỗ mạnh của địch, Đại tướng điều động chủ lực tấn công vào 5 hướng hiểm yếu nơi địch yếu (Tây Bắc, Trung Lào, Hạ Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào) [9, tr. 79-80]. Kết quả, đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn vốn tồn tại từ đầu chiến tranh: để giữ đất phải phân tán lực lượng, dẫn đến mất cơ động [9, tr. 313]. Khối cơ động của Navarre bị xé lẻ, biến từ chủ động thành bị động [9, tr. 102].

### **3.2. Chiến lược “Chiến tranh nhân dân”**

Chiến lược “Chiến tranh nhân dân” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thể hiện sự thống nhất giữa yếu tố chủ quan và khách quan là một thành tựu xuất sắc trong nghệ thuật quân sự, kết tinh ý chí kiên cường, tinh thần đoàn kết của toàn dân tộc với sự sáng tạo chiến lược trong bối cảnh lịch sử đầy thách thức. Đây là chiến lược toàn diện, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân, kết hợp chặt chẽ các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao nhằm đạt mục tiêu giải phóng đất nước. Chiến lược này không chỉ dựa vào yếu tố chủ quan như ý chí và sự sáng tạo của con người mà còn tận dụng tối đa yếu tố khách quan như hoàn cảnh lịch sử, địa hình và nguồn lực sẵn có. Trong chiến lược “Chiến tranh nhân dân”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã vận dụng phép biện chứng duy vật để giải quyết mâu thuẫn giữa chủ quan (ý chí cách mạng) và khách quan (điều kiện vật chất), coi nhân dân là yếu tố quyết định, đồng thời nhấn mạnh quy luật phát triển thông qua mâu thuẫn nhằm chuyển hóa bất lợi thành lợi thế. Việc xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân là hình thức phù hợp nhất để tiến hành chiến tranh nhân dân, phát động toàn dân đứng lên đánh giặc. Điều này tạo điều kiện cho việc kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, đảm bảo nhân dân ta có lực lượng rộng rãi để đánh địch ở khắp nơi [11, tr. 99]. Cốt lõi của chiến lược là tổ chức lực lượng vũ trang theo mô hình “ba thứ quân”: lực lượng chủ lực đảm nhiệm các chiến dịch lớn mang tính quyết định trên chiến trường, lực lượng địa phương hoạt động

tại khu vực cụ thể để bảo vệ hậu phương và hỗ trợ tác chiến, dân quân tự vệ với sự tham gia đông đảo của quần chúng vừa bảo vệ địa bàn vừa gây rối hậu phương địch. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa ba lực lượng này tạo nên thế trận linh hoạt, giúp quân đội Việt Nam tận dụng tối đa sức mạnh của toàn dân tộc, biến nhân dân thành lực lượng nòng cốt trong cuộc kháng chiến.

Lý tưởng giải phóng dân tộc do Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các nhà lãnh đạo cách mạng xây dựng đã thu hút sự tham gia của một số chiến sĩ quốc tế như Hồ Chí Toán (người Ba Lan), Nguyễn Văn Lập (người Hy Lạp) và các binh sĩ người Nhật gia nhập lực lượng cách mạng Việt Nam. Những trường hợp này chứng minh tính quốc tế của cuộc kháng chiến chống xâm lược, đồng thời thể hiện hiệu quả của tư tưởng “Chiến tranh nhân dân” trong việc thúc đẩy đoàn kết. Các cụm tình báo như A22 và H63 hoạt động bí mật, cung cấp thông tin chiến lược giúp quân đội Việt Nam nắm bắt tình hình và đưa ra quyết định chính xác. Sức mạnh của “Chiến tranh nhân dân” còn được thể hiện qua sự tham gia trực tiếp của người dân địa phương tại Củ Chi, Rừng Sác và trong hoạt động biệt động Sài Gòn. Người dân không chỉ hỗ trợ hậu cần mà còn trực tiếp chiến đấu, trở thành lực lượng nòng cốt trong các trận đánh quan trọng. Sự gắn bó giữa quân đội và nhân dân đã tạo nên thế trận vững chắc, khiến kẻ thù khó phá vỡ. Trong kháng chiến chống Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng Bộ Tổng soái, quân dân đã đạt được những chiến thắng quan trọng. Ông tham gia xây dựng Nghị quyết Trung ương 15 (1959), trong đó khẳng định: “Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân” [3, tr. 82]. Nghị quyết này đánh dấu bước chuyển từ bảo toàn lực lượng sang chủ động tấn công, nhấn mạnh vai trò trung tâm của quần chúng. Để đảm bảo hậu cần cho miền Nam, Bộ Chính trị đã đề xuất mở các tuyến vận tải chiến lược như Đường Trường Sơn và Đường Hồ Chí Minh trên biển, với sự tham gia của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong lập kế hoạch. Những tuyến đường này được giao cho các đồng chí như Võ Bẩm (đường trên bộ) và Trần Văn Trà (đường trên biển) nghiên cứu tổ chức và triển khai, nhằm cung cấp lương thực, vũ khí, vượt qua phong tỏa địch và tận dụng địa hình tự nhiên để duy trì sức mạnh chiến đấu. Quyết định mở đường Trường Sơn (1959) thể hiện tư duy dự báo và ứng dụng phép biện chứng duy vật [6, tr. 346]. Ngay từ khi Mỹ mới can thiệp đã nhận thấy nhu cầu tuyến vận tải dài hạn để chuyển từ đánh nhỏ lên đánh lớn, kết hợp sức người thô sơ ban đầu với hiện đại hóa từng bước (đường ống dẫn xăng dầu, xe cơ giới) nhằm đáp ứng trận quyết chiến cuối cùng [6, tr. 346]. Trong chiến dịch Hà Nội Điện Biên Phủ trên không năm 1972, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo xây dựng phòng không đa tầng, kết hợp “ba thứ quân” với tên lửa phòng không. Ông nghiên cứu rút kinh nghiệm từ các trận trước để đối phó B52 Mỹ. Kết quả, bắn rơi 77 máy bay, trong đó có 33 B52, phá vỡ tập kích không quân Mỹ, buộc ký Hiệp định Paris, rút quân khỏi miền Nam, hoàn thành mục tiêu đánh bại Mỹ [13, tr. 13-40].

Trong bối cảnh lịch sử của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đặc biệt là ở Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương cùng Bộ Tổng Tư lệnh mà đứng đầu là Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã có những chỉ đạo chiến lược tài tình. Nhận thấy thời điểm then chốt trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Đại tướng đã phát chỉ thị khơi dậy tinh thần quyết chiến: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng” [10, tr. 286]. Lời hiệu triệu này thúc đẩy khí thế, định hướng hành động, biến thắng lợi cục bộ thành toàn cục. Ngày 30/4/1975, miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, hoàn thành “đánh cho ngụy nhào”, đánh dấu cột mốc lịch sử quan trọng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ là nhà chỉ huy mà còn là nhà lý luận quân sự. Từ khó khăn ban đầu thiếu vũ khí và hậu cần, ông đã lãnh đạo vượt qua thử thách để đánh bại Nhật, Pháp và Mỹ. Bách khoa toàn thư Quân sự Bộ Quốc phòng Mỹ nhận xét: “Tài thao lược của tướng Giáp về chiến lược chiến thuật hậu cần kết hợp nhuần nhuyễn với chính trị ngoại giao... Sức mạnh hơn hẳn kinh tế công nghệ hỏa lực phương Tây phải khuất phục trước tài năng vị tướng từng thấy giáo dạy sử” [7, tr. 8]. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 “lùng lẫy năm châu chấn động địa cầu” buộc Pháp ký Hiệp định Geneva, mở ra giai đoạn mới cho

cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Tiếp nối đó, Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968 đã đảo lộn chiến lược của Mỹ, khơi dậy phong trào phản chiến toàn cầu. Bên cạnh đó, 81 ngày đêm mùa Hè đỏ lửa Thành Cổ Quảng Trị trở thành đòn bẩy tạo lợi thế tại Hội nghị Paris, khẳng định chính danh của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam. Đỉnh cao là Điện Biên Phủ trên không năm 1972 và Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, đưa từ chiến trường đến đàm phán để giành độc lập và thống nhất. Mỗi chiến thắng đều biểu tượng cho ý chí kiên cường và bước ngoặt lịch sử dẫn dân tộc đến toàn thắng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã phát triển học thuyết quân sự hiện đại, đề cao nghệ thuật du kích phối hợp với các binh chủng, chiến lược đánh lâu dài và chớp thời cơ để điều khiển đối phương. Ông xây dựng “ba thứ quân” từ quy mô nhỏ thành lực lượng chủ lực quyết định. Tư tưởng cốt lõi là mối quan hệ biện chứng giữa con người và vũ khí. Đại tướng khẳng định: “Quân đội từ nhân dân mà ra vì nhân dân mà chiến đấu”. Ý chí kiên cường và tinh thần đoàn kết của nhân dân quyết định ngay cả khi vũ khí thô sơ. Trong chống Mỹ, trước hỏa lực cơ động tuyệt đối của Mỹ (trục thẳng và thiết xa), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ đạo cách đánh độc đáo [6, tr. 374]. Sau Ia Đrăng (1965), ông nhận định Mỹ mạnh về phi pháo nhưng bộ binh yếu và phụ thuộc hậu cần. Ông chỉ đạo áp sát đánh gần “nắm thắt lưng địch mà đánh” [6, tr. 372]. Khi đạn xen, hỏa lực tầm xa của Mỹ trở nên vô dụng do sợ bắn nhầm. Ông định nghĩa cơ động: Mỹ bằng phương tiện hiện đại, ta bằng “có mặt khắp nơi” qua chiến tranh nhân dân, khiến địch không biết mặt trận để tập trung hỏa lực [6, tr. 375-376].

Phương pháp “Chiến tranh nhân dân” của Võ Nguyên Giáp là sự kết tinh giữa lý luận và thực tiễn giữa sức mạnh dân tộc và nghệ thuật quân sự. Nó mang lại chiến thắng lịch sử để lại di sản quý báu với bài học đoàn kết sáng tạo ý chí kiên cường. Tư tưởng này tiếp tục kim chỉ nam cho thế hệ sau bảo vệ xây dựng đất nước khẳng định vai trò bất diệt của nhân dân trong thắng lợi vĩ đại.

### **3.3. Xây dựng Quân đội nhân dân**

Tinh thống nhất giữa lý luận và thực tiễn được Võ Nguyên Giáp áp dụng từ những ngày đầu thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Vị Đại tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam đã khéo léo kết hợp lý luận Mác-Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam để phát huy được tối đa sức mạnh toàn dân trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân, đế quốc và xây dựng Tổ quốc. Trong việc xây dựng quân đội, Võ Nguyên Giáp vận dụng phép duy vật biện chứng để giải quyết mâu thuẫn giữa lý luận (học thuyết Mác-Lênin) và thực tiễn (điều kiện Việt Nam), kết hợp với triết học phương Đông để tạo nên một lực lượng cách mạng toàn diện. Đại tướng đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam. Ông còn nêu rõ bản chất giai cấp: “quân đội ta là một Quân đội nhân dân, quân đội của nhân dân lao động, thực chất là của công nông, do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo” [11, tr. 68]. Võ Nguyên Giáp quán triệt sâu sắc tư tưởng của Hồ Chí Minh: trong chiến tranh nhân tố con người là quyết định, vũ khí là quan trọng nhưng chỉ là phụ thuộc; tư duy “Người trước, súng sau” giải quyết mâu thuẫn giữa con người và vũ khí [6, tr. 698-699]. Khi thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (1944), ông đặt tên có chữ “Tuyên truyền” để khẳng định chính trị trọng hơn quân sự [12, tr. 89]. Với 34 chiến sĩ và vũ khí thô sơ, ông không nhìn vào sự thiếu hụt vật chất mà nhìn vào lòng dân và ý chí cách mạng để tin tưởng vào thắng lợi. Đại tướng áp dụng phương châm “vừa đánh vừa tự vũ trang”, lấy súng giặc để đánh giặc, biến cái yếu của mình thành cái mạnh bằng cách đánh tiêu diệt để bồi dưỡng lực lượng [5, tr. 134-135].

Hành trình của tướng Giáp bắt đầu từ những lời dạy giản dị nhưng sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi giao nhiệm vụ thành lập Đội Quân giải phóng, Bác căn dặn ông những nguyên tắc cốt lõi: Có chi bộ làm hạt nhân lãnh đạo; Phải dựa chắc vào dân; Chỗ đứng chân phải là một căn cứ tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Đặc biệt, tư tưởng “phải dựa chắc vào dân” trở thành kim chỉ nam xuyên suốt sự nghiệp cầm quân của Võ Nguyên Giáp, bởi ông hiểu rằng chỉ khi gắn bó với nhân dân, quân đội mới trở thành bất khả chiến bại. Hồ Chí Minh còn nhẹ nhàng phân tích về cụm từ “dĩ công vi thượng”, nhấn mạnh người làm tướng phải đặt lợi ích chung lên trên hết [4, tr. 130-131]. Những bài học “vỡ lòng” này không chỉ là lý thuyết mà là ngọn lửa soi đường cho đồng chí Đại tướng trong mọi quyết định. Từ nền tảng ấy, người Anh Cả của Quân đội Nhân dân Việt Nam xây dựng Quân đội Nhân dân quanh ba trụ cột vững chắc.

Trước hết là sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam, đảm bảo mọi hành động của quân đội đều hướng tới mục tiêu cách mạng. Với vai trò Bí thư Tổng Quân ủy, Tổng tư lệnh kiêm Tổng Chính ủy từ năm 1949, ông đã thống nhất tư tưởng và hành động, từ những trận đánh nhỏ lẻ đến chiến dịch vĩ đại như Điện Biên Phủ. Tiếp theo là công tác chính trị, yếu tố then chốt nuôi dưỡng lý tưởng “trung với Đảng, hiếu với dân”. Ông kết hợp giáo dục chính trị với huấn luyện quân sự, giúp binh sĩ thấm nhuần ý nghĩa cuộc chiến, biến quân đội thành “người con của dân”. Cuối cùng, phương pháp chỉ huy dân chủ của tướng Giáp là sự cân bằng độc đáo giữa kỷ luật thép và tinh thần sáng tạo. Ông lắng nghe ý kiến từ các cấp chỉ huy, khuyến khích sáng kiến, đồng thời chú trọng “tình thương đồng chí” để gắn kết đội ngũ. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, quyết định chuyển từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc” sau khi tham khảo ý kiến đồng đội là minh chứng sống động cho phong cách lãnh đạo này. Võ Nguyên Giáp không che giấu sai lầm mà dùng nó làm bài học để tiến bộ, thể hiện sự áp dụng phép biện chứng từ thất bại. Sau các chiến dịch không thành công tại Vinh Yên và sông Đáy (1951) do đánh quân chính quy trên địa hình trống trải gặp phi pháo mạnh, ông đã nghiêm khắc kiểm thảo [6, tr. 257-258]. Ông nhận định bộ đội chưa đủ trình độ đánh vận động lớn ở đồng bằng. Ông đã chủ động rút quân về rừng núi (Chiến dịch Tây Bắc) để phát huy sở trường và bắt đầu một đợt chỉnh huấn chính trị, quân sự quy mô để nâng cao chất lượng thay vì chỉ chạy theo số lượng [6, tr. 259]. Tinh thần ấy còn được thể hiện qua 10 lời thể danh dự, được đồng chí Võ Nguyên Giáp soạn thảo và tuyên đọc ngày 22/12/1944 tại Cao Bằng. Những lời thể nhấn mạnh sự hy sinh vì Tổ quốc, phục tùng mệnh lệnh, tôn trọng nhân dân, với ba điều răn “không lấy, không dọa, không quấy nhiễu dân” và ba điều nên “kính trọng, giúp đỡ, bảo vệ dân”. Qua thời gian, các phiên bản sửa đổi vẫn giữ nguyên giá trị cốt lõi. Từ năm 1976, lời thể được đọc: “Chúng tôi, quân nhân trong Quân đội Nhân dân Việt Nam, lấy danh dự người chiến sĩ cách mạng, xin thể dưới lá cờ vinh quang của Tổ quốc: Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phấn đấu cho một nước Việt Nam hòa bình, độc lập và xã hội chủ nghĩa. Tiếng hô “Xin thể” vang lên trong các nghi lễ quân sự là lời cam kết bất biến, kết nối quá khứ với hiện tại qua hơn 80 năm. Tư tưởng của Võ Nguyên Giáp không chỉ tạo nên một đội quân chiến thắng mà còn để lại di sản vượt thời gian. Sự kết hợp giữa sự lãnh đạo của Đảng, công tác chính trị, phương pháp chỉ huy dân chủ và 10 lời thể danh dự đã gắn kết quân đội với nhân dân, đưa Việt Nam vượt qua những thử thách khốc liệt để giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc. Hôm nay, những giá trị ấy vẫn là nguồn cảm hứng, không chỉ cho việc xây dựng quân đội mà còn cho công cuộc phát triển đất nước.

#### 4. Kết luận

Di sản tư tưởng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là sự kết tinh giữa trí tuệ dân tộc Việt Nam và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, đặc biệt qua duy vật biện chứng. Với tư duy chiến lược sắc bén, ông chứng minh cách mạng là sức mạnh quần chúng, nơi ý chí con người biến mâu thuẫn thành động lực phát triển. Những nguyên tắc biện chứng ông vận dụng, từ quy luật mâu thuẫn đến phủ định của phủ định, trở thành nền tảng nghệ thuật quân sự cách mạng, khẳng định chân lý Hồ Chí Minh: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Di sản này truyền cảm hứng bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa trong toàn cầu hóa đầy thách thức.

Ở chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã điều chỉnh phương châm từ “đánh nhanh” sang “đánh chắc”, tạo nên bước ngoặt lịch sử: “Để đảm bảo ‘đánh chắc thắng’, cần chuyển phương châm từ “đánh nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc” [7, tr. 927-928]. Năm 1975, ông lãnh đạo việc chuyển hóa các thắng lợi cục bộ thành thắng lợi toàn cục, dẫn đến thống nhất đất nước. Những kỳ tích này khẳng định ý chí cách mạng trong việc chuyển hóa lượng thành chất, đồng thời là bài học quý báu về sự kiên định và sáng tạo. Di sản của Đại tướng vẫn giữ giá trị thời sự sâu sắc. Tư tưởng “dĩ công vi thượng” và quốc phòng toàn dân trở thành kim chỉ nam cho an ninh quốc gia, huy động toàn dân đối phó với các thách thức như chiến tranh mạng, khủng bố, biến đổi khí hậu và tranh chấp biển đảo. Tư duy “Chiến tranh nhân dân” phù hợp để bảo vệ biển đảo thông qua lực lượng dân quân tự vệ, đồng thời mở rộng ứng dụng sang lĩnh vực an ninh mạng và kinh tế. Sự kiện diễu binh kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam (30/4/1975 - 30/4/2025) là minh chứng sống động cho sự đoàn kết quân dân. Hình ảnh bộ đội

Quân khu 7 phát nước cho nhân dân khắc họa mối quan hệ “quân dân như cá với nước” [1]. Thiếu tướng Trần Ngọc Thổ đã chia sẻ: “Không có nhân dân thì không có chúng tôi ngày hôm nay” [2].

Vi vậy, cần đẩy mạnh việc nghiên cứu, khai thác giá trị từ các hồi ký và di sản của Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhằm làm sáng tỏ những đóng góp to lớn của ông. Ông là hiện thân sinh động của tư duy biện chứng, một minh chứng hùng hồn cho sức mạnh của chủ nghĩa Mác-Lênin khi được vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đồng thời là ngọn lửa truyền cảm hứng mạnh mẽ cho các thế hệ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại tướng mãi mãi là “người kiến tạo chiến thắng”, để lại dấu ấn không phai mờ trong lịch sử dân tộc. Tư duy quân sự của ông luôn linh hoạt, vận động theo thực tiễn chiến trường nhưng kiên định mục tiêu tối thượng là độc lập dân tộc, biết dùng trí tuệ để giải quyết mâu thuẫn và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân để đánh bại kẻ thù.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Báo Pháp luật (2025). *Người dân “thấy vui trong lòng” khi nhận được lương khô từ các chiến sĩ Quân khu 7*. Nguồn: <https://plo.vn/nguoi-dan-thay-vui-trong-long-khi-nhan-duoc-luong-kho-tu-cac-chien-si-quan-khu-7-post847395.html>.
- [2] Báo Sài Gòn Giải phóng (2025). *Tiếp nối sứ mệnh xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*. Nguồn: <https://www.sggp.org.vn/tiep-noi-su-menh-xay-dung-dat-nuoc-ta-dang-hoang-hon-to-dep-hon-post793292.html>.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (tập 20, 2002). *Văn kiện Đảng toàn tập*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] Chương trình sưu tầm tư liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam (2019). *Võ Nguyên Giáp: Tiểu sử*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [5] Currey, C. B. (2013). *Chiến thắng bằng mọi giá: Thiên tài quân sự Việt Nam - Đại tướng Võ Nguyên Giáp*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [6] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 5, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Văn Sự (2011). *Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Danh tướng thế kỷ XX qua tài liệu nước ngoài*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Đình Thống (2025). *Tư duy sử học của Đại tướng, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp*. Nguồn: <https://tapchilichsudang.vn/tu-duy-su-hoc-cua-dai-tuong-tong-tu-lenh-vo-nguyen-giap.html>.
- [9] Võ Nguyên Giáp (tái bản 2018). *Điện Biên Phủ*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [10] Võ Nguyên Giáp (2001). *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [11] Võ Nguyên Giáp (1975). *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [12] Võ Nguyên Giáp (2006). *Tổng tập hồi ký*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [13] Võ Nguyên Giáp (2005). *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng* (Phạm Chí Nhân thể hiện). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [14] Vũ Trọng Lâm (chủ biên, 2023). *Võ Nguyên Giáp, vị tướng của nhân dân*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [15] Vương Thị Liên (2021). *Chiều sâu nhân văn trong luận thuyết quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp*. Nguồn: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/08/17/chieu-sau-nhan-van-trong-luan-thuyet-quan-su-cua-dai-tuong-vo-nguyen-giap/>.